PHỤ LỤC

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI HÌNH NHÀ Ở

1. Đơn vị báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương……
2. Đơn vị tiếp nhận báo cáo: Bộ Xây dựng

TT	Các loại hình phát triển nhà ở trên địa bàn	Quy mô diện tích đất (ha)	Theo kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương (05 năm)		Kết quả số lượng hoàn thành							
					năm 2021 và năm 2022		năm 2023		năm 2024		từ tháng 1/ 2025 đến tháng 5/ 2025	
			SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	**NHÀ Ở THƯƠNG MẠI**											
(1)	Tên dự án											
a	Nhà ở riêng lẻ											
b	Chung cư											
c	Đất ở											
(2)	……											
II	**NHÀ Ở CÔNG VỤ**											

TT	Các loại hình phát triển nhà ở trên địa bàn	Quy mô diện tích đất (ha)	Theo kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương (05 năm)		Kết quả số lượng hoàn thành							
					năm 2021 và năm 2022		năm 2023		năm 2024		từ tháng 1/ 2025 đến tháng 5/ 2025	
			SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
(1)	Tên dự án											
a	Nhà ở riêng lẻ											
b	Chung cư											
c	Biệt thự (nếu có)											
(2)	…….											
III	**NHÀ Ở XÃ HỘI**											
3.1	**Dự án nhà ở xã hội**											
(1)	Tên dự án											
a	Nhà ở riêng lẻ											
b	Chung cư											
(2)	…….											
3.2	**Dự án nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân**											
(1)	Tên dự án											
a	Nhà ở riêng lẻ											
b	Chung cư											
(2)	…….											

TT	Các loại hình phát triển nhà ở trên địa bàn	Quy mô diện tích đất (ha)	Theo kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương (05 năm)		Kết quả số lượng hoàn thành							
					năm 2021 và năm 2022		năm 2023		năm 2024		từ tháng 1/ 2025 đến tháng 5/ 2025	
			SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3.3	**Dự án nhà lưu trú công nhân**											
(1)	Tên dự án											
a	Nhà ở riêng lẻ											
b	Chung cư											
(2)	…….											
3.4	**Dự án nhà ở xã hội do TLĐLĐVN làm chủ đầu tư**											
(1)	Tên dự án											
a	Nhà ở riêng lẻ											
b	Chung cư											
(2)	…….											
IV	**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ NHÀ Ở**											
(1)	Tên dự án											
a	Nhà ở riêng lẻ											
b	Chung cư											

TT	Các loại hình phát triển nhà ở trên địa bàn	Quy mô diện tích đất (ha)	Theo kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương (05 năm)		Kết quả số lượng hoàn thành							
					năm 2021 và năm 2022		năm 2023		năm 2024		từ tháng 1/ 2025 đến tháng 5/ 2025	
			SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)	SL (căn, căn hộ)	DT (m^2)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
c	Đất ở											
(2)	…….											
V	**NHÀ Ở PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ**											
(1)	Tên dự án											
a	Nhà ở riêng lẻ											
b	Chung cư											
c	Đất ở											
(2)	…….											

Ghi chú:
* Kế hoạch phát triển nhà (05 năm): là số liệu của chương trình kế hoạch phát triển nhà của địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.
* Số hoàn thành: là số liệu đã được thực hiện theo kế hoạch phát triển nhà của địa phương và hoàn thành xây dựng nhà ở trong năm.
* SL - Số lượng; DT - Diện tích.